

Tản Mạn về Tử Vi và Phong Thủy

Tử Vi Bản Chất và Cuộc Đời

Bài 1 Bố Cục của 14 Sao Chính

1) Vị trí của Sao TỬ VI :

Mười bốn (14) Sao chính trong Tử Vi đều phụ thuộc vào vị trí của Sao Tử Vi. Muốn tìm vị trí của Sao Tử Vi – theo sách Cổ thì dựa vào hàng Can của Tuổi và Cung an Mệnh để lập Cục- theo Bảng ghi Cục dựa vào ngày sinh ta tìm được Vị Trí của sao Tử Vi (sách Tử Vi nào cũng có những Bảng này) . Không dùng Bảng ta có thể dùng Quy Tắc sau :

Sau khi an Cung MỆNH (theo tháng và giờ sinh) ta lấy Ngày Sinh chia cho Cục – nếu phép chia đúng (nghĩa là không có Dư Số), tính từ Cung Dần là 1 đếm theo Thương Số q của phép chia trên, ngừng tại cung nào an Tử Vi tại Cung đó –Trường hợp không chia đúng ta phải thêm vào 1 số nguyên n để thực hiện Phép chia đúng, có 2 trường hợp:

Nếu n lẻ : tính từ cung Dần là 1 đếm thương số q , ngừng lại tại Cung đó, từ cung đó kể là 0 đếm theo chiều nghịch đến số n : đó là vị trí của Sao Tử Vi.

Nếu n chẵn : cũng làm như trên, từ Cung có thương số q kể là 0, đếm theo chiều thuận đến số n .

Ta có thể dùng CÔNG THỨC sau :

Công thức tìm Sao Tử Vi :

$$k = \frac{N+(1+ec)n}{c}$$

N là ngày sinh : $1 \leq N \leq 30$.

c chỉ số cục : Thủy Nhị Cục $c=2$, Mộc Tam Cục $c=3$, Kim Tứ Cục $c=4$, Thổ Ngũ Cục $c=5$, Hỏa Lục Cục $c=6$.

n là số nguyên thêm vào bao giờ cũng nhỏ hơn c : $0 \leq n \leq 5$ để thực hiện Phép Chia đúng.

Có 2 trường hợp :

- a) N là bội số của c thì $n=e=0$.
- b) N không là bội số của c :
 - Nếu n lẻ (1, 3, 5) thì $e=-1$
 - Nếu n chẵn (2,4) thì $e=+1$

Các sao thuộc Vòng Tử Vi : Liêm Trinh ($L= k+4$ hay $k - 8$), Thiên Đồng ($Đ = k +7$ hay $k- 5$), Vũ Khúc ($V = k+8$ hay $k - 4$), Thái Dương ($D = k +9$ hay $k -3$), Thiên Cơ ($C =k+11$ hay $k - 1$)

2) Vị trí của Sao Thiên Phủ

Gọi k là vị trí của Sao Tử Vi, h là vị trí của Sao Thiên Phủ bao giờ ta cũng có Công Thức :

$$k + h = 2 \quad (\text{modulo } 12)$$

Lưu ý : $k=1 \pmod{12}$, cung Dần – đồng nghĩa với tháng Giêng), $k=2 \pmod{12}$, cung Mão), cung Thìn $k= 3 \pmod{12}$... cung Sửu $k=12$ (còn có thể coi như có vị trí 0).

Từ Công thức trên Ta có thể tìm vị trí của 2 Sao Tử Vi và Thiên Phủ đồng cung. Thật vậy khi $k = h$ ta có : $2k = 2h = 12$ suy ra $k=h = 1 \pmod{6}$ chứng tỏ 2 Sao Tử Vi và Thiên Phủ chỉ đồng cung tại 2 cung Dần ($k=1, 13, 25...$) và cung Thân ($k=7, 19...$).

Các sao thuộc Vòng Thiên Phủ : Thái Âm ($Â = h+1$), Tham Lang ($t =h+2$), Cự Môn ($C = h+3$), Thiên Tướng ($T = h+4$), Thiên Lương ($L =h+ 5$), Thất Sát ($s = h+6$), Phá quân ($p =h+ 10$).

Do vị trí 14 Sao Chính từ Định Nghĩa ta thấy các Sao tạo thành Bộ 4, Bộ 3, Bộ 2 như sau :

A) Bộ Tử Phủ Vũ Tướng :

Khi 2 sao Tử Vi và Thiên Phủ đồng cung ($k =h$) hay ở vị trí Đối Xung thì vị trí của Tử Vi (hay Thiên Phủ), Thiên Tướng ($T =h+4$), Vũ Khúc ($V =h+8$) tạo thành 1 **Cấp Số Cộng** có công sai bằng 4 nên 4 sao này nằm trên đỉnh của Tam Giác (vị trí Tam Hợp) tạo thành Bộ Tử Phủ Vũ Tướng (đôi khi kèm thêm Liêm Trinh vì bộ 3 Tử Vũ Liêm cũng tạo thành 1 Cấp Số Cộng có công sai bằng 4 từ đó ta suy ra 2 sao Liêm Trinh và Thiên Tướng đồng cung tại Ngọ và Tý).

Tử Vi đồng cung với Thiên Phủ ở Dần Thân (Mẫu Tử Phủ).

Tử Vi đồng cung với Thiên Tướng : Vị trí của Tử Vi là k, Thiên Tướng $T =h+4$ với $k+h = 2 \pmod{12}$ do đó k và T liên lạc bởi công thức : $k+T = 6 \pmod{12}$. Hai sao này đồng cung khi $k = T=3 \pmod{6}$, đó là vị trí của 2 cung Thìn và Tuất (Mẫu Tử Tướng).

Tử Vi đồng cung với Tham Lang : Vị Trí của Tử Vi là k, Tham Lang $t = h+2$ với $k +h = 2$ do đó $k+t = 4 \pmod{12}$. Hai sao này đồng cung khi $k=t$ nên $2k = 2t = 4$ suy ra $k = t = 2 \pmod{6}$, đó là vị trí của hai cung Mão và Dậu (Mẫu Tử Tham).

Tử Vi đồng cung với Thất Sát : Vị trí k của Tử Vi và Thất Sát s liên lạc với nhau bởi công thức : $k + s = 8 \pmod{12}$. Hai sao này đồng cung khi $k=s$ nên $2k = 2s = 8 \pmod{12}$, suy ra $k=s=4 \pmod{6}$, đó là vị trí của 2 cung Ty và Hợi (Mẫu Tử Sát).

Tử Vi đồng cung với Phá Quân : Vị trí k của Tử Vi và p của Phá Quân định bởi công thức : $k+p = 12 \pmod{12}$. Hai sao này đồng cung khi $k=p=6 \pmod{6}$, đó là vị trí của 2 cung Mùi và Sửu (Mẫu Tử Phá).

Thiên Phủ đồng cung với Liêm Trinh : Vị trí h của Thiên Phủ và k của Tử Vi định bởi $k+h = 2 \pmod{12}$, Liêm Trinh $L = k+4$, do đó $h+L = 6 \pmod{12}$ suy ra $h=L=3 \pmod{6}$, đó là vị trí của 2 cung Thìn và Tuất.

Thiên Phủ đồng cung với Vũ Khúc : $V=k+8$, $h+k = 2$ nên $h+V=10 \pmod{12}$ suy ra $V=h=5 \pmod{6}$, đó là vị trí của 2 cung Ngọ và Tý.

B) Bộ Sát Phá Tham

Bộ Sát Phá Tham thuộc vòng Thiên Phủ, nên nếu h là vị trí của Sao Thiên Phủ thì vị trí của Tham Lang, Thất Sát, Phá Quân theo thứ tự là :

$$t = h+2 ; s = h+6 ; p = h+10$$

Vị trí của Bộ Ba (Sát Phá Tham) theo thứ tự tạo thành một **Cấp Số Cộng** có công sai là 4. Đó là **Vị Trí Tam Hợp** (nằm trên 3 đỉnh của 1 Tam Giác).Đôi khi bộ này có thêm sao Liêm Trinh vì Liêm Trinh có thể đồng cung với 3 sao này(nên nhớ sự đồng cung chỉ xảy ra giữa 1 sao của Vòng Tử Vi với 1 sao của Vòng Thiên Phủ. Hai Sao cùng 1 vòng không thể đồng cung).

Liêm Trinh đồng cung với Thất Sát : Vị trí của Liêm Trinh $L=k+4$, Thất Sát $s = h+6$, vì $k+h = 2 \pmod{12}$ nên $L+s = 12 \pmod{12}$. Hai sao này đồng cung khi $L = s$, do đó $L=s = 6 \pmod{6}$; đó là vị trí của cung Mùi và cung Sửu .

Liêm Trinh đồng cung với Phá Quân : Vị trí của Liêm Trinh $L= k+4$, Phá Quân $p = h +10$, vì $k+h = 2 \pmod{12}$ nên $L+p = 4 \pmod{12}$, cũng lý luận như trên Liêm Trinh và Phá Quân đồng cung khi $L=p=2 \pmod{6}$; đó là vị trí của 2 cung Mão và Dậu.

Liêm Trinh đồng cung với Tham Lang : Vị trí của Liêm Trinh $L = k+4$, Tham Lang $t = h +2$, vì $k+h = 2 \pmod{12}$ nên $L+t = 8 \pmod{12}$, cùng 1 lý luận, 2 sao này đồng cung khi $L=t = 4 \pmod{6}$; đó là vị trí của 2 cung Ty và Hợi.

Bộ 3 (Tử Vũ Liêm) tam hợp cũng như bộ 3 (Sát Phá Tham) ; nên khi 1 trong các sao của 2 vòng *đồng cung* thì 6 sao đó nằm trên đỉnh của Tam Giác (vị trí Tam Hợp) đó là bộ 6 :Tử Vũ Liêm Sát Phá Tham nằm trong 3 mẫu Tử Sát, Tử Phá và Tử Tham (mà ngày xưa có người gọi là cách Sát Phá Liêm Tham).

C) Bộ Cơ Nguyệt Đồng Lương

Bộ 4 (Cơ Nguyệt Đồng Lương) là do viết tắt của 4 sao : Thiên Cơ, Thái Âm (Nguyệt = mặt trăng), Thiên Đồng và Thiên Lương. Thiên Cơ và Thiên Đồng là 2 sao thuộc vòng Tử

Vi, nếu k là vị trí của Tử Vi thì vị trí của Thiên Cơ là $k - 1$ hay $k + 11 \pmod{12}$ và Thiên Đồng là $k - 5$ hay $k + 7 \pmod{12}$, đó là Vị trí Tam hợp (vị trí của 2 số hạng của Cấp Số Cộng có công sai là 4).

Thái Âm và Thiên Lương là 2 sao thuộc vòng Thiên Phủ, nếu vị trí của Thiên Phủ là h thì vị trí của Thái Âm $\hat{A} = h + 1$, Thiên Lương $L = h + 5$; đó cũng là Vị trí Tam Hợp. Do đó khi 4 sao Thiên Cơ, Thái Âm, Thiên Đồng và Thiên Lương ở Vị trí Tam Hợp trên thiên bàn nghĩa là 4 sao trên nằm trên đỉnh của 1 Tam Giác thì chúng tạo thành Bộ 4 gọi tắt là **Cơ Nguyệt Đồng Lương**. Do định nghĩa ta thấy 4 sao đó chỉ Tam Hợp khi 1 trong 2 sao Cơ, Đồng thuộc vòng Tử Vi trùng với 1 trong 2 sao Nguyệt, Lương của vòng Thiên Phủ. Như vậy chỉ có các trường hợp sau :

- a) Cơ Lương đồng cung tại Thìn Tuất (mẫu Tử Sát).
- b) Cơ Âm đồng cung tại Dần Thân (mẫu Tử Tham).
- c) Đồng Lương đồng cung tại Dần Thân (mẫu Tử Phá).
- d) Đồng Âm đồng cung tại Tý Ngọ (mẫu Tử Sát).

- a) Cơ Lương đồng cung : cùng 1 lý luận như trên ta thấy $C = k - 1$, $L = h + 5$, vì $k + h = 2 \pmod{12}$ nên $C + L = 6 \pmod{12}$. Cơ Lương đồng cung khi $C = L$ nghĩa là $C = L = 3 \pmod{6}$. Đó là vị trí của 2 cung Thìn và Tuất.
- b) Cơ Âm đồng cung : $C = k - 1$, $\hat{A} = h + 1$, vì $k + h = 2 \pmod{12}$ nên $C + \hat{A} = 2 \pmod{12}$. Giống như Tử Phủ 2 sao Thiên Cơ và Thái Âm đồng cung tại Dần và Thân.
- c) Đồng Lương đồng cung : $\hat{D} = k - 5$, $L = h + 5$, vì $k + h = 2 \pmod{12}$ nên $\hat{D} + L = 2 \pmod{12}$ giống như Tử Phủ, hai sao Đồng Lương đồng cung tại Dần và Thân.
- d) Đồng Âm đồng cung : $\hat{D} = k - 5$, $\hat{A} = h + 1$ vì $k + h = 2 \pmod{12}$ nên $\hat{D} + \hat{A} = 10 \pmod{12}$ $\hat{D} = \hat{A}$ khi $\hat{D} = \hat{A} = 5 \pmod{6}$; đó là vị trí của 2 cung Ngọ và Tý.

D) Bộ Nhật Nguyệt

Thái Dương (hay Nhật) thuộc vòng Tử Vi có vị trí $D = k - 3$ hay $k + 9 \pmod{12}$, Thái Âm (hay Nguyệt) thuộc vòng Thiên Phủ có vị trí $\hat{A} = h + 1$. Từ công thức $k + h = 2 \pmod{12}$ ta có $D + \hat{A} = 0$ hay $12 \pmod{12}$ nên Nhật Nguyệt đồng cung khi $2D = 2\hat{A} = 12$ hay $D = \hat{A} = 6 \pmod{6}$; đó là vị trí 2 cung Mùi và Sửu.

Cũng lý luận tương tự ta thấy Thái Dương đồng cung với Thiên Lương (cách Dương Lương) ở Mão, Dậu và Thái Dương với Cự Môn đồng cung tại Dần, Thân (cách Cự Nhật).

Chú Thích : Về sự đồng cung của 1 trong các sao của vòng Tử Vi với 1 sao của vòng Thiên Phủ như ta đã thấy, đó là những Bộ Đôi (Bô 2) : Tử Phủ, Tử Tướng, Tử Sát, Tử Tham, Tử Phá, Vũ Phủ, Vũ Tướng, Vũ Sát, Vũ Tham, Vũ Phá, Liêm Phủ, Liêm Tướng, Liêm Sát, Liêm Tham, Liêm Phá, Cơ Âm, Cơ Cự, Cơ Lương, Nhật Nguyệt, Cự Nhật, Dương Lương, Đồng Âm, Đồng Lương, Cự Đồng.

Một thí dụ không thể đồng cung : Thiên Cơ $C = k - 1$ của vòng Tử Vi không thể đồng cung với Tham Lang $t = h + 2$ của vòng Thiên Phủ : Cùng cách lý luận trên từ công thức $k + h = 2 \pmod{12}$

mod 12) của cặp Tử Phủ ta có : $C+t=3 \pmod{12}$, nếu Cơ Tham đồng cung thì $2C=2t=3$ như vậy $C=t=3/2$, điều này không thể chấp nhận vì vị trí sao phải là **Số Nguyên**. Do đó ta chỉ có thể có những bộ Đôi như ở trên trong phần chú thích.

3) Vai trò Nhị Hợp

Công thức của Nhị Hợp : $x+y=11 \pmod{12}$

x là vị trí của sao ; y là vị trí của sao nhị hợp.

- Nhị hợp của Thiên Phủ : ta có $k+h=2 \pmod{12}$, nếu $x=h$ thì $y=11-x=11-(2-k)=k+9$; đó là vị trí của sao Thái Dương.
- Nhị hợp của Vũ Khúc : $V=k+8$, nếu $x=k+8$ thì $y=11-x=11-(k+8)=3-k=3-(2-h)=h+1 \pmod{12}$; đó là vị trí của sao Thái Âm.
- Nhị hợp của Thiên Đồng : $D=k-5=k+7 \pmod{12}$ Tham Lang $t=h+2$ ta thấy : $D+t=k+7+h+2=k+h+9 \pmod{12}$ vì $k+h=2$ nên $D+t=11 \pmod{12}$.
- Nhị hợp của Thiên Cơ : $C=k-1$, Phá Quân $p=h+10$, ta thấy $C+p=k+h+9=11$.

4) Vai trò Chính chiếu hay đối xung.

Công thức của chính chiếu : $y=x+6 \pmod{12}$

Từ công thức trên ta chỉ thấy trường hợp chính chiếu chỉ xảy ra khi 2 sao cùng 1 vòng. Điều này chỉ xảy ra cho 2 cặp (Thiên Phủ và Thất Sát) và (Thiên Tướng và Phá Quân) vì $s=h+6$ và $T=p+6 \pmod{12}$.

5) Một Bố Cục Mẫu của 14 Sao Chính (chính diệu)- Mẫu TỬ PHỦ

- Nếu Mệnh đóng tại Tam Giác (Thân Tý Thìn) : Tử Phủ Vũ Tướng cách.
- Nếu Mệnh đóng tại Tam Giác (Dần Ngọ Tuất) : Sát Phá Tham cách.
- Nếu Mệnh đóng tại Tam Giác (Hợi Mão Mùi) :
 - Mệnh ở Mão : Đồng Âm Cơ Cự cách.
 - Mệnh ở Mùi : Cơ Lương Cự Đồng cách.
 - Mệnh ở Dậu : Âm Đồng Dương Lương cách.

Cơ Nguyệt Đồng Lương cách chỉ có ở trong mẫu Tử Tham và Tử Phá khi Mệnh nằm trên đỉnh của Tam Giác (Dần Ngọ Tuất).

- Nếu Mệnh đóng tại Tý Hợi : Cự Nhật cách hội Nguyệt Lương.

Cự Nhật cách nằm trong mẫu Tử Sát khi Mệnh đóng tại Dần Thân.

Thái Dương	Phá Quân	Thiên Cơ	Tử Vi Thiên Phủ
Vũ Khúc			Thái Âm
Thiên Đồng			Tham Lang
Thất Sát	Thiên Lương	LiêmTrinh Thiên Tướng	Cự Môn

(còn tiếp)

Viết tại Trại Tù Suối Máu Biên Hoà năm 1975-78, hiệu đính tại Paris Mùa Xuân

Tân Mão 2011. PHẠM KẾ VIÊM